



ĐỔI MỚI CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KHỞI NGHIỆP

TS. HOÀNG XUÂN HÒA, PGS., TS. PHẠM THỊ HỒNG YẾN - Ban Kinh tế Trung ương

Những năm qua, việc đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đã có tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội. Tuy nhiên, hoạt động này còn gặp nhiều khó khăn và thách thức. Nhằm đổi mới cơ chế và chính sách phát triển hoạt động khởi nghiệp khoa học và công nghệ tại Việt Nam, Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã khẳng định: Khuyến khích đẩy mạnh quá trình khởi nghiệp kinh doanh; Có chính sách thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp Việt Nam cả về số lượng và chất lượng, thật sự trở thành lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bài viết đi sâu phân tích cụ thể những vấn đề trên.

• Từ khóa: Doanh nghiệp, chính sách, khởi nghiệp, khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh.

Từ những cơ chế, chính sách...

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp (DN), phát huy vai trò của doanh nhân, DN trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Điển hình như:

Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 9/12/2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế nêu rõ: Xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ doanh nhân phải gắn liền với hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm quyền sở hữu và tự do kinh doanh của doanh nhân theo pháp luật, khuyến khích doanh nhân làm giàu cho mình và cho đất nước.

Kết luận số 64 - KL/TW ngày 9/12/2010 của Ban Bí thư về kết quả thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TW (khóa IX) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế cũng khẳng định: Tiếp tục hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho DN nhỏ và vừa (DNNVV), chủ DN và người lao động, nâng cao trình độ cán bộ quản lý; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ DN ứng dụng công nghệ mới; đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp; thiết lập thị trường công nghệ; tiếp tục triển khai tích cực và đồng bộ các chính sách trợ giúp phát triển DNNVV.

Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội

nhị Trung ương 6 (khóa XI) cũng nhấn mạnh việc phát triển các sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo DN khoa học và công nghệ (KHVCN): “Hình thành các tập thể nghiên cứu đáp ứng yêu cầu giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia. Phát triển các nhóm nghiên cứu trẻ, tiềm năng từ các trường đại học, viện nghiên cứu để làm hạt nhân hình thành các DN KHVCN” và “Đẩy mạnh phát triển các DN KHVCN; hỗ trợ các DN thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển”.

Khẳng định lại đường lối, chủ trương trên, Nghị quyết Đại hội XII của Đảng tiếp tục nêu rõ: Khuyến khích đẩy mạnh quá trình khởi nghiệp kinh doanh. Có chính sách thúc đẩy phát triển các DN Việt Nam cả về số lượng và chất lượng, thật sự trở thành lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trên cơ sở các chủ trương của Đảng, nhiều văn bản Luật đã được ban hành, có tác động trực tiếp đến hoạt động khởi nghiệp và phát triển KHVCN như: Luật KHVCN (2000, được sửa đổi năm 2013); Luật Sở hữu trí tuệ (2005, được sửa đổi bổ sung năm 2009); Luật Chuyển giao công nghệ (2006); Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (2006); Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá (2007) và Luật Đo lường (2011); Luật Công nghệ cao (2008).

Từ các cơ chế, chính sách trên, hàng loạt chính sách giải pháp hỗ trợ đã được triển khai nhằm khuyến khích việc thành lập DN KHVCN cũng như hỗ trợ DN, trong đó có DNNVV thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, đổi mới công nghệ; các nhóm

chính sách ưu đãi về tài chính, tín dụng, chính sách khuyến khích DN đăng ký và khai thác tài sản trí tuệ, các chương trình quốc gia...

Đến thực tiễn triển khai...

Tình hình phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp

Với sự triển khai mạnh mẽ các cơ chế, chính sách cũng như các giải pháp hỗ trợ của Đảng và Nhà nước trong thời gian qua, hoạt động hỗ trợ ươm tạo công nghệ và hỗ trợ phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ đến nay phần nào đã tác động tích cực đến đời sống, sản xuất kinh doanh; Thúc đẩy hoạt động đầu tư nghiên cứu đổi mới quản lý, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo để nâng cao sức cạnh tranh của DN.

Các vườn ươm đã bước đầu tạo dựng được các điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cung cấp dịch vụ để các DN KHCN được hình thành và phát triển. Mô hình Vườn ươm đã dần tạo nên một hệ thống dịch vụ kinh doanh đồng bộ, gắn kết thay thế các mô hình hỗ trợ dịch vụ đơn lẻ. Cùng với việc hình thành hệ thống chia sẻ thông tin, thông qua các vườn ươm DN, các mối liên kết giữa các DN ươm tạo và với các chủ thể liên quan khác đã bước đầu được tăng cường, góp phần tăng năng lực hoạt động và cạnh tranh cho các DN trong bối cảnh hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

Hiện nay, Việt Nam đang nổi lên như một thị trường đầu tư mạo hiểm hấp dẫn (Top 3 Đông Nam Á) với những ưu thế nổi trội sau:

- Việt Nam thuận lợi hơn nhiều so với nhiều nước ASEAN, bởi lĩnh vực internet và điện thoại di động phát triển tương đối nhanh, trong khi dân số trẻ, thiên hướng tiêu dùng cao, dễ dàng tiếp cận các dịch vụ mới.

- Các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính của các DN KHCN đạt kết quả khá tốt. Một số DN KHCN được các tổ chức chứng nhận chất lượng quốc tế có uy tín cấp chứng chỉ công nhận có đủ điều kiện xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường khó tính như EU, Hoa Kỳ.

- Nhiều DN KHCN đã quan tâm đến việc xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả KHCN và sản phẩm do mình tạo ra...

Tuy nhiên, phát triển DN khởi nghiệp trong lĩnh vực KHCN trong những năm qua còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế. Hoạt động ứng dụng, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường KHCN, năng lực nghiên cứu triển khai cũng như khả năng chuyển giao công nghệ của các tổ chức KHCN còn nhiều

hạn chế. Cụ thể như:

i) Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân lực tại các tổ chức KHCN cũng chưa được triển khai đúng mức. Kết quả nghiên cứu của các tổ chức KHCN nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của DN.

ii) Tiến độ triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm còn chậm. Các tổ chức trung gian của thị trường KHCN mới được thành lập một cách manh mún, rời rạc, chưa được chuẩn bị kỹ lưỡng về mặt nhân lực và cơ sở vật chất, do đó chưa thực sự hỗ trợ được các hoạt động chuyển giao công nghệ, tài sản trí tuệ một cách hiệu quả.

iii) Hoạt động tuyên truyền, phổ biến các chính sách về hỗ trợ đổi mới ứng dụng công nghệ nói chung và về DN KHCN nói riêng còn chưa toàn diện và hiệu quả.

iv) Hệ thống pháp luật quy định về DN KHCN còn chưa được hoàn thiện. Do chưa có sự thống nhất giữa các quy định về DN KHCN trong các văn bản pháp luật thuộc các lĩnh vực KHCN, đất đai, thuế, tín dụng cũng như chưa có cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ngành khiến việc triển khai các quy định pháp luật trong thực tế còn gặp nhiều vướng mắc.

v) Khung pháp lý và chính sách đối với việc thành lập và phát triển vốn đầu tư mạo hiểm ở Việt Nam còn khá sơ khai. Các loại hình công nghệ ươm tạo còn hạn chế, chưa đa dạng, chủ yếu là công nghệ thông tin; việc ươm tạo chủ yếu là ươm tạo công nghệ phần mềm phần nào phản ánh tính thực dụng của các vườn ươm tại Việt Nam và tính chiến lược của Ngành.

(vi) Các DN KHCN được hình thành không đồng đều, chủ yếu tập trung tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, có quy mô vừa và nhỏ. Bên cạnh đó, DN KHCN của Việt Nam hiện nay hầu hết không phải xuất phát từ các trường đại học, các viện nghiên cứu mà trưởng thành từ các DN nhỏ. Mặt khác, các DN kinh doanh hiệu quả chủ yếu tập trung trong các lĩnh vực giống nông nghiệp, chế biến dược liệu. Trong khi đó, số DN trong lĩnh vực phần mềm, công nghệ sinh học và một số lĩnh vực công nghệ cao khác đăng ký ít hoặc chưa công nhận, cấp phép hoặc ít có nhu cầu.

Những tồn tại kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp

Một là, phần lớn các nền tảng cơ bản cho phát triển DN KHCN cũng như đầu tư mạo hiểm, phát triển hệ thống ươm tạo công nghệ và DN KHCN (còn gọi là Hệ sinh thái khởi nghiệp) vẫn còn yếu



kém. Nhiều yếu tố liên quan còn rất yếu như sự chấp nhận rủi ro, mức độ quốc tế hóa, kỹ năng khởi nghiệp, khả năng cạnh tranh, cơ hội khởi nghiệp, khả năng nhận biết và nắm bắt cơ hội (các yếu tố này dưới mức trung bình thế giới và khu vực).

Hai là, trên thực tế nhiều ý tưởng kinh doanh của các công ty khởi nghiệp bị cho là cóp nhặt từ một số các mô hình kinh doanh đã thành công ở nước ngoài, song không được phân tích, địa phương hóa hay sáng tạo để bảo đảm thành công ở Việt Nam.

Ba là, DN Việt Nam có cơ cấu nhân sự, trình độ quản trị DN, nhất là các chuẩn mực tài chính, kế toán yếu kém, mang tính gia đình trị, không minh bạch và không đáng tin cậy đối với nhà đầu tư.

Bốn là, một số DN có thể có ý tưởng kinh doanh, công nghệ tốt nhưng lại thiếu kỹ năng quản trị kinh doanh bài bản; các dự án muốn thu hút vốn đầu tư mạo hiểm không được trình bày thuyết phục, nhất là bằng tiếng Anh.

Năm là, nhận thức về vai trò, chức năng và các lợi ích kinh tế - xã hội quan trọng của các vườn ươm đối với các DN KHCN, ươm tạo khoa học và công nghệ vẫn còn hạn chế và chưa đồng đều, ngay cả đối với các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách ở nhiều cấp. Hơn nữa, tính chất quản trị mang tính khép kín, tính sẵn sàng chia sẻ cổ phần (chủ sở hữu) và hợp tác kinh doanh của các DN Việt Nam chưa cao cũng ảnh hưởng bất lợi tới việc phát triển Vườn ươm, nhất là việc tạo vốn ban đầu.

Sáu là, các điều kiện về môi trường kinh tế - xã hội cơ bản giúp đẩy nhanh quá trình hình thành và phát triển DN KHCN, cơ sở ươm tạo và đầu tư mạo hiểm một cách bền vững vẫn còn yếu, việc đòi hỏi liên tục được ươm dưỡng, phát triển từng bước, trong trung và dài hạn còn rất khó khăn.

Bảy là, khung pháp lý và chính sách vẫn còn bất cập, chậm được xử lý hữu hiệu. Đến nay, theo khảo sát của Bộ KHCN vẫn còn bất cập trong thực thi các vấn đề bản quyền, sở hữu trí tuệ trên các phương diện như:

(i) Chưa có quy định rõ ràng về việc phân chia quyền lợi (tỷ lệ hưởng lợi) liên quan đến bản quyền khi được ươm tạo thành công cho các bên tham gia vườn ươm (người hướng dẫn, người trực tiếp làm, cơ quan chủ quản, các đơn vị hợp tác, nhà đầu tư khác...);

(ii) Phần lớn các Vườn ươm DN công nghệ tại Việt Nam vẫn chưa có quy định cụ thể về bản quyền và sở hữu trí tuệ;

(iii) Vấn đề pháp lý và thỏa thuận chuyển giao công nghệ từ trường đại học đến DN chưa được chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi DN khởi nghiệp xây dựng kế hoạch kinh doanh... Thực tế này có thể

không khuyến khích các DN tham gia Vườn ươm, mặc dù nhu cầu tham gia ươm tạo là tương đối lớn và không thúc đẩy chuyển giao công nghệ.

Tám là, các vườn ươm tạo công nghệ tại Việt Nam đang thiếu một chiến lược, chương trình hoạt động mang tính quốc gia trong dài hạn. Hiện các vườn ươm đang hoạt động riêng lẻ, mỗi DN đều phải tự tạo nguồn lực để tồn tại và phát triển nên hiệu quả không cao.

Chín là, ở cấp độ quốc gia chưa có một chính sách tổng thể về DN khởi nghiệp; các hoạt động khởi nghiệp trong thời gian vừa qua đều mang tính rời rạc, nhỏ lẻ, nhất là chỉ dừng lại ở góc độ các cuộc thi, sân chơi, phong trào, chưa đi vào chiều sâu. Điều này không những gây lãng phí, phân tán nguồn lực xã hội mà còn dẫn tới hiệu quả đạt được không cao.

Đề xuất một số giải pháp

Một là, tập trung đẩy mạnh chính sách phát triển hệ thống vườn ươm công nghệ: Cần coi trọng việc phát triển hệ thống vườn ươm công nghệ như là một công cụ đòn bẩy quan trọng trong hỗ trợ phát triển DN khởi nghiệp bằng KHCN, thương mại hoá công nghệ và thúc đẩy đổi mới, chuyển giao công nghệ, liên kết khoa học với sản xuất, thị trường. Nhà nước đóng vai trò "bà đỡ":

- Nguồn kinh phí hỗ trợ các cơ sở ươm tạo cũng như DN khởi nghiệp thực hiện theo cơ chế Nhà nước hỗ trợ 50%, 50% còn lại là kinh phí của các tổ chức;

- Nhà nước đứng ra tổ chức giải thưởng DN mới khởi nghiệp tiêu biểu; hỗ trợ đào tạo, chuyên gia, tư vấn về mặt quản lý DN, xúc tiến thị trường;

- Thúc đẩy việc phát triển các mô hình vườn ươm đặc thù như vườn ươm tại các trường đại học, hoặc vườn ươm cho chuyên gia kiều bào, hay mô hình vườn ươm DN được thành lập ngay trong DN nhà nước, nhất là các tập đoàn, tổng công ty lớn.

Hai là, nhanh chóng thành lập các Quỹ hỗ trợ đặc biệt của Nhà nước dành riêng cho DN khởi nghiệp như: Quỹ Đầu tư tác động, Quỹ Sáng kiến giai đoạn đầu, Quỹ đầu tư mạo hiểm theo ngành nghề và các quỹ đầu tư rủi ro. Hoạt động về gọi vốn của các Quỹ cũng cần đa dạng hóa dưới nhiều hình thức, không dừng lại ở những phương thức truyền thống như tín dụng ưu đãi, mà mở rộng ra các phương thức mới như phát hành trái phiếu DN, gọi vốn cộng đồng, Quỹ đầu tư mạo hiểm.

Ba là, xây dựng Quỹ đầu tư cho DN khởi nghiệp theo mô hình hợp tác công - tư thuộc Chính phủ nhằm mục đích kêu gọi vốn đầu tư, tài trợ từ các thành phần xã hội cho các dự án

khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tiềm năng. Quỹ đầu tư này sẽ được đăng ký hoạt động theo mô hình Công ty đầu tư tài chính và ủy thác đầu tư. Phần lợi nhuận tạo ra từ nguồn đầu tư của Nhà nước và các nhà tài trợ sẽ được sử dụng để tái đầu tư cho hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo DN khởi nghiệp cũng như đầu tư trực tiếp cho DN khởi nghiệp tiềm năng.

Về nguồn vốn, Nhà nước góp vốn dưới dạng tài sản trí tuệ là thông tin về các kết quả nghiên cứu có tiềm năng thương mại hóa cao, mạng lưới các chuyên gia công nghệ và chuyên gia tư vấn khởi nghiệp trong nước, quốc tế; đồng thời, dưới dạng kinh phí dành cho hoạt động ươm tạo công nghệ từ các quỹ do Chính phủ quản lý. Nguồn vốn tư nhân đến từ các đơn vị tư nhân quản lý quỹ và từ nguồn vốn huy động từ các nhà đầu tư tư nhân khác.

Quỹ đầu tư hay Chương trình khởi nghiệp quốc gia thực hiện lựa chọn và đối ứng với những cơ sở ươm tạo, quỹ đầu tư mạo hiểm hiệu quả nhất nhằm phục vụ hoạt động ươm tạo, đầu tư cho giai đoạn đầu của DN khởi nghiệp, đặc biệt trong những lĩnh vực ưu tiên như: nông nghiệp công nghệ cao, vật liệu mới, cơ khí chế tạo.

Bốn là, xây dựng chính sách khuyến khích các nhà đầu tư thiên thần, thành lập vận hành các Quỹ đầu tư mạo hiểm. Đây là nhóm biện pháp hỗ trợ tài chính để Nhà nước khuyến khích tư nhân tham gia vào hoạt động đầu tư mạo hiểm cho DN khởi nghiệp bằng KHCN như:

- Nhà nước đối ứng với khoản tiền đầu tư của các quỹ đầu tư cũng như các nhà đầu tư thiên thần;
- Nhà nước có thể giảm trừ thuế thu nhập đối với các Quỹ đầu tư thực hiện đầu tư cho DN khởi nghiệp ở giai đoạn ban đầu để chia sẻ rủi ro;
- Triển khai nghiên cứu thí điểm về loại hình cổ phiếu công nghệ, sớm đưa loại hình cổ phiếu này trở thành hàng hóa giao dịch trên thị trường, giúp hình thành nguồn vốn mới, tạo động lực cho sự phát triển;
- Sớm hình thành Quỹ Đầu tư mạo hiểm theo Luật Công nghệ cao.

Năm là, mở rộng nguồn đóng góp, tham gia Quỹ Đầu tư mạo hiểm bao gồm cả vốn tư nhân và vốn đầu tư nước ngoài.

Sáu là, tổ chức tốt công tác tuyên truyền, truyền thông, đào tạo về khởi nghiệp. Cụ thể: Tăng cường tổ chức các hội nghị phổ biến chính sách về DN KHCN tại các địa phương; Kết hợp phổ biến chính sách về DN KHCN thông qua các triển lãm sản phẩm KHCN tại các viện nghiên cứu, trường đại học để tăng cường sự hình thành các DN khởi nghiệp từ viện, trường; Phổ biến chính sách về DN

KHCN, đổi mới công nghệ thông qua các phương tiện truyền thông, đại chúng, các chương trình, cuộc thi tìm hiểu sản phẩm sáng tạo; Phát động, đẩy mạnh các phong trào quyết chí khởi nghiệp, sáng tạo tương lai trong phạm vi toàn quốc; Phối hợp với các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp nhằm phát triển sâu rộng, có hiệu quả các phong trào gắn kết trí thức - thanh niên như: “Khởi nghiệp Thánh Gióng”, “Cùng liên kết lập thân, lập nghiệp”, “Khi Tổ Quốc cần”...

Về chính sách đào tạo doanh nhân, phát triển nguồn nhân lực cũng cần tập trung đẩy mạnh, đa dạng hóa, hiện đại hóa các mô hình đào tạo doanh nhân nhằm chung tay xây dựng thể hệ doanh nhân tài năng; Xây dựng mạng lưới kết nối doanh nhân để các doanh nhân khởi nghiệp có cơ hội được giao lưu, tích lũy kinh nghiệm và kiến thức thực tế.

Ở cấp độ quốc gia chưa có một chính sách tổng thể về doanh nghiệp khởi nghiệp; các hoạt động khởi nghiệp trong thời gian qua mang tính rời rạc, nhỏ lẻ, chỉ dừng lại ở góc độ các cuộc thi, sân chơi, phong trào, chưa đi vào chiều sâu...

Đồng thời, cần tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong nước và nước ngoài, đặc biệt là thợ kỹ thuật, trình độ công nghệ cao; Đẩy mạnh công tác tư vấn, dịch vụ hỗ trợ hạ tầng khởi nghiệp, nhất là chiến lược khởi nghiệp, quản trị khởi nghiệp, hoạch định ngân sách khởi nghiệp.

Quan trọng hơn là hỗ trợ thành lập các tổ chức có chức năng ươm tạo công nghệ, ươm tạo DN KHCN, xúc tiến chuyển giao công nghệ trong trường đại học. Ngoài việc hỗ trợ kết nối cung, cầu công nghệ thông qua các chợ công nghệ thiết bị, cần định kỳ tổ chức các triển lãm sản phẩm KHCN tại các trường đại học để giới thiệu những kết quả nghiên cứu tới DN...

Tài liệu tham khảo:

1. Kết luận số 64 - KL/TW ngày 9/12/2010 của Ban Bí thư về kết quả thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TW (khóa IX) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế;
2. Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 9/12/2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế;
3. Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI) về việc phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo DN.
4. Một số website: mof.gov.vn, sbv.gov.vn, chinhphu.vn, moit.gov.vn, mpi.gov.vn, doanthanhvien.vn...